

Bản án số: 96/2022/HSST
Ngày: 28-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Cúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lê Thế Hải

2. Ông: Trương Văn Bắc

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký
TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*** Bà
Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số: 85/2022/HSST ngày 24/6/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXX- ST, ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo LÊ THỊ H – Sinh năm 1980; Nơi sinh: Phường H N, thị xã Nghi S, Thanh H; ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: thôn 9, xã Ngọc L, TX. Nghi S, tỉnh Thanh H; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Lê Ngọc D – Sinh năm 1954 và con bà Lê Thị H – Sinh năm 1959; Chồng Đậu Xuân T - Sinh năm 1979, có 03 con lớn SN 2004, nhỏ nhất SN 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo ĐẬU THỊ TH – Sinh năm 1973; Nơi sinh và nơi ở hiện nay: Thôn 9, xã Ngọc L, thị xã Nghi S, Thanh H; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đậu Xuân Th – Sinh năm 1951 và con bà Nguyễn Thị M – Sinh năm 1949; Có chồng: Hồ Sỹ L đã ly hôn và có một con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Đậu Văn L – Sinh năm 1958 và bà Đậu thị Ch – SN 1960 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Ngọc L, TX. Nghi S, Thanh H

- Người liên quan: Chị Văn Thị Th – Sn 1989 – Vắng mặt

Địa chỉ: TDP Kim Ph, phường Mai L, TX. Nghi S, Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 08/7/2020, Lê Thị H đi qua nhà ông Đậu Văn L ở tại thôn 9, xã Ngọc L, thị xã Nghi S, Thanh H thấy cổng không khóa nên nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản. Khi vào nhà thấy không có ai ở nhà nên H đi vào gian thờ tìm kiếm. Tại đây H thấy có một vỏ hộp sữa đựng nhiều chìa khóa khác nhau nên dùng số chìa khóa này mở cửa phòng ngủ nhà ông L, H vào trong phòng ngủ thấy có một chiếc rương tôn đang khóa nên H bê chiếc rương ra ngoài ném qua bờ tường sang vườn nhà Đậu Thị Th rồi đi ra ngoài theo đường cổng chính. H đi sang vườn nhà Th đem chiếc rương để ở cạnh lối đi vào nhà rồi đi tìm Th. Sau khi tìm thấy Th, H chỉ cho Th chiếc rương và nói mình vừa lấy trộm nhà ông L nhờ Th cất giấu nhưng Th không đồng ý nên H mang chiếc rương về nhà mình. Khoảng 05 phút sau Th sang nhà H, H nhờ Th soi đèn pin điện thoại rồi dùng búa đinh phá khóa. Sau khi phá được khóa thấy, thấy trong rương có số tiền 5.300.000đ, H đưa cho Th 02 triệu nhưng Th không lấy. Đến sáng ngày 09/7/2020, H tiếp tục mở rương và thấy trong rương có 24 triệu tiền mặt và 01 hộ đựng chè bìa giấy cứng bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 03 chỉ, 02 khuyên tai hình tròn, mỗi bông tai có trọng lượng 01 chỉ và 02 giấy chứng minh thư mang tên Đậu Văn L và Đậu thị Ch, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đậu Văn L, 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là Đậu văn L và 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của bà Đậu Thị Ch, H cất giấu toàn bộ số tiền và vàng sau đó đi tìm Th, Th nói với H “*Mi muốn thoát thì đưa cho tau một triệu*”, H lấy 02 triệu đồng và đưa cho Th nhưng Th chỉ lấy 01 triệu. Đến tối cùng ngày H đem chiếc rương ra sông Cầu Trại để vớt xuống sông. Đến khoảng 04 giờ ngày 11/7/2020, H đem toàn bộ giấy tờ trả cho ông L và xin lỗi ông L.

Đối với số tiền H lấy trộm được H đem trả nợ cho chị Văn Thị Th ở phường Mai L số tiền 20.300.000đ, số tiền còn lại và vàng H đem cất giấu sau đó tự giác đem giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn.

Theo phiếu thử nghiệm ngày 04/9/2020 của Viện ngọc học và trang sức Doj xác định: Sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng được kết nối với nhau bằng các mắt xích hình số 8 là kim loại vàng, khối lượng 11,25gam = 03 chỉ, hàm lượng vàng 99,29%, bạc 0,7%; 02 khuyên tai hình tròn bằng kim loại có màu vàng là kim loại vàng có trọng lượng 7,5gam = 02 chỉ, hàm lượng vàng 99,48%, bạc 0,51%.

Kết luận định giá tài sản số 110/KLDGTS, ngày 27/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã Nghi Sơn xác định: 02 khuyên tai vàng có giá trị: 9.800.000đ và sợi dây chuyền vàng có giá trị: 14.700.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 53.800.000đ.

Đối với chiếc rương bằng tôn và 01 hộp chè bằng giấy bìa cứng bị hại đã mua từ lâu, không có giấy tờ mua bán, không có giá trị mấy nên bị hại không yêu cầu định giá.

Bản cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 24/6/2022 của VKSND thị xã Nghi Sơn đã truy tố Lê Thị H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS và truy tố bị cáo Đậu Thị Th về tội “*Không tố giác tội phạm*” theo khoản 1 Điều 390 BLHS

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng mà VKS ND thị xã Nghi Sơn truy tố các bị cáo.

Tại phiên tòa Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX;

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, hai tình tiết tại khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 390, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS.

- Xử phạt bị cáo Đậu Thị Th từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- * Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho bị hại nên đề nghị HĐXX miễn xét.

- * Về vật chứng: Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy 01 chiếc búa đinh hiện đang lưu giữ tại kho của Chi cục THADS Thị xã Nghi Sơn.

- **Án phí :** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

- + Mỗi Bị cáo pH nộp 200.000đ án phí HSST.

Các Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Căn cứ vào lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản và lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận: Khoảng 21 giờ ngày 08/7/2020, Lê Thị H đã có hành vi trộm cắp số tiền 29.300.000đ và 05 chỉ vàng. Tổng giá trị tài sản H trộm cắp nhà ông Đậu Văn L là 53.800.000đ. Đậu Thị Th biết rõ về hành vi trộm cắp tài sản của Lê Thị H nhưng không tố giác hành vi phạm tội của H với cơ quan pháp luật nên Đậu Thị Th phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Văn Thị Th khi được bị cáo H mang số tiền 20.300.000đ đến trả nợ chị Th không biết đây là tiền H trộm cắp mà có được. Sau khi biết tiền này do H trộm cắp mà có chị Th đã tự nguyện đến giao nộp cho cơ quan điều tra vì vậy hành vi của chị Th không cấu thành tội phạm.

Đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS và Đậu Thị Th về tội “không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS là đúng pháp luật.

Các Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tang vật cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, phù hợp với lời kết luận của đại diện VKS. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo H có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS và Đậu Thị Th về tội “không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS.

[3]. Xét tính chất vụ án: Tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và tài sản hợp pháp của con người đều được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất bột phát, không có sự chuẩn bị, tính toán từ trước, lợi dụng sơ hở lúc bị hại vắng nhà để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của gia đình ông L, nên cần phải lên cho bị cáo một hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện. Đối với bị cáo Th nhận thức được hành vi của bị cáo H là phạm tội nhưng cố tình che giấu, không tố giác hành vi phạm tội của H cho cơ quan chức năng biết vì vậy cũng cần lên cho bị cáo Th một hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra.

[4]. Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo đều phạm tội lần đầu, nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tự nguyện trả lại tài sản đã trộm cắp cho bị hại, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, điều này chứng tỏ các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bản thân các bị cáo trước và sau khi phạm tội luôn chấp hành tốt

đường lối chính sách của Nhà nước, pháp luật và địa phương, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bản thân gia đình bị cáo H có hai con một cháu bị bệnh Dow và một cháu bị bệnh tim bẩm sinh, phạm tội một phần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mục đích lấy để trả nợ số tiền đưa con đi chữa bệnh, đối với Đậu Thị Th hiện đã ly hôn chồng, một mình nuôi con ăn học nên khi lượng hình bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối với Lê Thị H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS và bị cáo Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét thấy các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, tài sản đã trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên nghĩ chưa cần thiết pH cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 của BLHS cũng như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Xét về phần dân sự: Tài sản đã trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

[6]. Xét về phần vật chứng: 01 búa đinh bị cáo H dùng để phá khóa rương cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại Th dùng để soi đèn pin sáng cho H phá khóa và chiếc rương của gia đình ông Th, CQĐT đã truy tìm nhưng không thấy nên HĐXX không xét.

Về án phí: bị cáo pH nộp án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, hai tình tiết tại khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS.

- **Tuyên bố:** Lê Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- **Xử phạt:** Lê Thị H 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 390, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65BLHS

- **Tuyên bố:** Đậu Thị Th phạm tội “Không tổ giác tội phạm”

- **Xử phạt:** Đậu Thị Th 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cả hai bị cáo về cho chính quyền UBND xã Ngọc L, TX. Nghi S, Thanh H quản L và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- **Vật chứng:** Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTDS. Tịch thu tiêu hủy một búa đinh có đặc điểm như miêu tả trong phiếu nhập kho số NK2022/84, ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa.

- **Án phí :** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

+ Mỗi Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và 333 BL TTHS. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, Bị hại. Các Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật THA dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật THA dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND TX. Nghi Sơn;
- CQĐT Công an TX. Nghi Sơn;
- THADS TX. Nghi Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Cúc